



Sau ngày 30 tháng Tư năm 1975, nhân dân Miền Nam Việt Nam lâm vào một tâm trạng hoang mang tột độ, mịt mù trước tương lai, lo âu cho cuộc sống hằng ngày. Tại Bệnh viện Vĩnh Long, mặc dầu tôi đã không còn trách nhiệm gì nữa mà anh chị em nhân viên cứ bám lấy tôi để dò hỏi, làm như tôi có phép màu nhiệm gì để giải tỏa được những thắc mắc đang quay cuồng trong trí óc mọi người.

Những người thay thế tôi cố sửa đổi bộ mặt của bệnh viện bằng cách cho sơn vẽ khắp nơi những khẩu hiệu cách mạng mới, mà đặc ý nhất là câu "Lương Y Như Từ Mẫu", không biết lượm được ở đâu, mà cứ nhan nhản khắp nơi, từ ngoài cổng, cầu thang, hành lang cho đến phòng thay áo, nhà tắm...như cố nhét vào đầu óc mọi người để tranh thủ cái độc quyền đạo đức nhân từ mà chỉ riêng người thầy thuốc cách mạng mới xứng đáng với hai chữ lương y.

Một hôm, tôi bước vào phòng trực y tá để thăm hỏi, thì thấy anh chị em đang quay quần tán gẫu, lẽ tất nhiên cũng không ngoài đề tài số một là gạo cơm lương bổng sẽ ra sao. Bên cạnh là bàn thờ tổ quốc, một thứ trang trí mới trong tất cả các phòng, bắt luận là chuyên môn hay hành chánh, bên trên vẫn là cái câu nhân từ bất

hủ đó. Một nữ hộ sinh chỉ vào khẩu hiệu, ngao ngán bảo với tôi: "Ông Thầy biết không, chúng em bị một phen mừng hụt vì nó đấy", rồi lăm lét nhìn ra cửa, nói tiếp: "Chiều nay khi mấy chú cán bộ vào kẻ khẩu hiệu, khi ngang tới chữ "Lương y như..." chúng em mừng quá reo lên vì cứ tưởng là lương y như tháng trước, không ngờ nó lại là như...từ mẫu!".

Thế rồi vì không hiểu duyên nợ nghề nghiệp gắn liền hay đạo đức cách mạng chu đáo lo cho chúng tôi mà các bậc từ mẫu đó, tuy khoác áo lương y nhưng lại cư xử theo tư cách một... cai ngục, đã đeo đẳng mãi chúng tôi trên suốt đoạn đường dài "cải tạo".

Sau những năm dài da diết trong rừng sâu Sơn La, trên biên giới Hoa Việt, cuối cùng, vì có chiến tranh với Trung quốc, chúng tôi được áp tải về một trại giam gần Hà Nội, một trại giam "kiểu mẫu", một thứ "cây kiềng" để chế độ trình diễn chính sách khoan hồng nhân đạo với thế giới bên ngoài. Trong cái tủ kính bày hàng đó, lẽ tất nhiên sẵn sóc sức khỏe cho tù là "ưu tư hàng đầu" của Ban Giám Thị và vị lương y phải được đóng vai kếp chính.

Trại Nam Hà, cách Chùa Hương không xa, được thời cuộc nâng lên hàng danh lam thắng cảnh để cho quan khách ngoại quốc lui tới viếng thăm, từ Hội Ân Xá Quốc Tế, báo chí Tây phương, các nghiệp đoàn cộng sản Pháp cho tới cả "đồng chí" Chandra Chủ tịch Hội đồng Hòa bình Thế giới v.v... Từ trại nhìn ra, cảnh đẹp như tranh, xa xa những núi đá vôi nho nhỏ, đủ hình đủ dạng, nổi lên trên một mặt nước phẳng lì thơ mộng trông như Vịnh Hạ Long. Cái mặt nước phẳng lì hiền hòa đó, không ai ngờ là một thứ hàng rào thiên

nhiên vô cùng độc hại, là những đầm sinh lầy cát lờ đã nuốt sống biết bao là tù nhân trốn trại.

Bệnh xá nằm dưới chân đồi, trước sân có hòn non bộ với Lã Vọng ngồi câu, bên dưới là bể cá vàng lừ đừ lội nhìn chúng tôi bằng cặp mắt thờ ơ chán ngán, trên mái hiên treo đầy lồng chim đủ màu đủ loại, suốt ngày hót líu lo như để mĩa mai tâm trạng héo hắt tươi bời của chúng tôi.

Tất cả cái thú xa xỉ trường giả đó đã được đánh đổi bằng xương thịt của chúng tôi qua sự cắt xén tiền thực phẩm vốn đã vô cùng đói rách. Cá thia vàng, chim hoàng yến, chim họa mi tung tăng bay nhảy, đã được mấy ngàn cặp mắt tù sâu hoắc và phờ phạc vì thiếu ăn, thèm thuồng nhìn qua giá trị của mấy chục gờ ram prôtêin mà vô cùng tiếc rẻ, vì nó đang nằm trong tầm tay mà lại ngoài tầm... bao tử. Cây kiềng trước sân được chăm sóc tỉ mỉ mà mỗi lần gọt tía là một dịp cho chúng tôi lượm lá rụng nấu thành một bữa rau để giành giựt nhau, tuy vừa dai vừa đắng nhưng màu đỏ của nước lá dền cũng cho

chúng tôi ảo tưởng bổ dưỡng của chất sinh tố B12. Cái quang cảnh thần tiên của bệnh xá đó đã được lên hình trên báo Liên Xô và được tô điểm đến độ mỗi lần thuyết trình cho phái đoàn ngoại quốc, viên giám đốc trại cũng không bao giờ quên luyện giọng một cách thành thực: "Tôi chỉ mơ ước được sống như những trại viên (ý nói từ chúng tôi)". Tiếc thay!!!

Đến đây tôi mới hiểu tại sao anh em tù Nam Hà gọi cán bộ bằng "Chèo" (phường chèo), trắng trợn đến độ ban giám thị phải gọi lên chỉnh: "Cán bộ thì có nam có nữ, có sao các anh lại gọi bằng "chèo đực, chèo cái", nghe chẳng "văn hóa" tý nào".

Trại có một mật độ chuyên viên y khoa cao nhất thế giới, trong số hai ngàn người (tù) thì có đến hai mươi bác sĩ (cũng tù). Tất cả đều phải lao động khổ sai như nhau, đập đá, đốn củi, ngâm mình dưới nước để kéo cày thay trâu..., trong khi trên bờ đê, cán bộ cầm cái roi dài quát qua quát lại khiến cho tù ở dưới ruộng không hiểu là mình đang còn ở kiếp người hay đã đầu thai qua kiếp khác làm trâu bò.



Phần điều trị được nhường lại cho những người ngoài ngành y tế được lựa chọn theo tiêu chuẩn hạnh kiểm và mức độ hợp tác. Tuy nhiên, bắt đầu dĩ bệnh xá phải giữ lại một vài bác sĩ tù để vừa giúp đỡ trong việc chuyên môn, để đọc các tên thuốc bằng ngoại ngữ, vừa để làm kiếng cho phái đoàn ngoại quốc xem, vừa để dạy cho các bác sĩ (không phải y khoa) cách mang cách dùng ống nghe, cách bắt mạch v.v...

Người được chọn ở lại bệnh xá là một đồng nghiệp đàn anh, từng tốt nghiệp đại học Paris khi tôi chưa vào trường y khoa, từng giữ nhiều chức vụ điều khiển trong ngành y tế miền Nam, nay đã lớn tuổi được anh em rất nể nang nên tôn làm "đại ca". Đại ca còn có thêm biệt hiệu nữa là "Vua cháo heo" vì thỉnh thoảng được anh em nuôi heo cho cán bộ, thương tình làm ngơ để cho múc một lon cháo heo (dĩ nhiên là béo bổ hơn cơm tù) rồi vớt chạy cho cán bộ khỏi thấy. Thế là tối hôm đó được một đêm huy hoàng. Sau khi chiếc khóa sắt nặng nề rột rạt khóa kín cửa chuồng lại, chúng tôi bao quanh đại ca, bên cạnh lon cháo heo bốc khói thơm phức, vừa xem đại ca lim dim đôi mắt thưởng thức từng hạt bo bo cháy khét mà tưởng chừng như ăn trứng caviar, vừa để đại ca kể lại cho đàn em nghe những ngày vàng son còn du học trên đất Pháp, những đêm liên hoan trên đường phố Montmartre Paris...

Chỉ huy bệnh xá là một bác sĩ ngành công an, luôn luôn nhìn chúng tôi bằng cặp mắt nghi ngờ đầy mặc cảm, có lẽ đã đọc được trong phiếu lý lịch của chúng tôi một tội danh lạ đời: "Can tội: bác sĩ". Một hôm tịch thu được hộp dụng cụ tiểu phẫu trong đó có cây kềm Michel giống cái kéo, dùng để gỡ các móc da, bác sĩ loay hoay mãi

không biết làm sao, cuối cùng chê: "Kéo với kiết, thế này thì làm sao cắt được, dốt thế!". Mắt bác sĩ đã quen nhìn những lọ Pénicilline Trung quốc làm bằng một thứ chai đục ngầu, bọt lỗ chỗ, nút lọ được khấn kín bằng sáp như thuốc "cao đơn hoàn tán", nên khi gặp một lọ Pénicilline bào chế ở miền Nam, rất kinh ngạc vì kỹ thuật khác biệt, và khi thấy trên lọ mấy chữ: "Laboratoires Ténamyd Thủ Đức", bèn mừng rỡ khoe với chúng tôi: "Thuốc của Đức đây, xã hội chủ nghĩa anh em ta đây".

Dưới trướng của vị lương y này là một ban chuyên môn (không phải y khoa) gồm đủ thành phần. Một anh có hoa tay đục đẽo, chạm trổ, biến các lon sữa Guigoz thành những hộp thuốc lá, cái lược, cái vòng, tinh vi như những nữ trang thứ thiệt để lương y đem về tặng thân nhân hoặc... đổi chác. Một anh ngành quân cụ lo bảo trì chiếc xe đạp "hữu nghị" mà người cỡi cũng hãnh diện như lái chiếc xe Mercedes vậy. Một họa sĩ có biệt tài biến hóa những gương mặt trong gia đình lương y từ một tấm ảnh nhẵn nheo vàng khè thành những chân dung sạch sẽ khôi ngô, và lương y cũng không dấu được sự hài lòng khi thấy khoác lên ông cụ thân sinh chiếc khăn nhiễu, cái áo gấm, trông rất "quan", còn phu nhân và ái nữ cũng được mặc chiếc áo dài mà ngoài đời họ chưa bao giờ sờ tới. Riêng bản thân lương y, khi đề nghị mặc bộ âu phục cho oai thì lưỡng lự hồi lâu rồi buồn rầu trả lời: "Chớ, không nên, nhỡ trên biết được thì khốn", nên đành chấp nhận bộ đồng phục công an vậy.

Về phần điều trị, có lẽ Đảng đã sáng suốt thấy rõ sự lúng túng của lương y, nên chỉ thị cho quốc doanh cung cấp dược phẩm dưới hình thức "viên" hết sức đơn giản, hễ đau ở bộ phận nào thì đã có những viên

tương ứng: viên gan, viên dạ dày, viên phổi, viên tim, viên xương, viên khớp v.v... Ban đêm nếu có tiếng kêu cứu từ các phòng vọng ra, thê thảm xé nát sự im lặng nặng nề của trại tù về đêm, rồi cứ lặp đi lặp lại mãi như dội qua vách núi, cho đến khi lương y khệnh khạng đến, cho ông nghe qua một khe nhỏ để khám bệnh nhân ở trong phòng rồi hoặc phát cho vài "viên", hoặc bắt bệnh nhân dán mông dít vào song cửa sắt chích cho một mũi thuốc để chờ tới sáng. Cũng trong hoàn cảnh đó, một Thượng Nghị Sĩ nổi tiếng ở Sài Gòn, bị trúng độc vì ăn sắn sống, trộm được lúc ban chiều khi đi lao động, đã phải chờ mãi cho tới sáng hôm sau, khi được đưa ra khỏi phòng thì đã quá trễ.

Một buổi chiều nọ, khi đi lao động về, anh em ngạc nhiên chứng kiến một hiện tượng lạ thường: trại được sơn phết lại trắng xóa, trên vách tường lại vẽ thêm những bông hoa màu mè sặc sỡ, có lẽ vì cây cảnh thật đã bị tù bút lá bẻ hoa không đủ đem lại vẻ vui tươi cho nhà tù. Giữa sân lại có cảnh nhóm chợ trời, cán bộ bày bán thịt tươi, rau sống cho anh em tù nào còn dẫu dứt được chút tiền còm tung ra mua ăn bồi dưỡng. Những người giàu tưởng tượng cho truyền ngay một câu sấm, không biết có phải của Trạng Trình không:

*"Bao giờ tường đá nở hoa,  
Nhà tù nhóm chợ thì ta...ra về"*

Về đâu chẳng thấy nhưng trước mắt là phải ráo riết chuẩn bị doanh trại để đón tiếp một phái đoàn ngoại quốc quan trọng, một công tác làm đảo lộn hẳn nếp sống hằng ngày, để được đền bù bằng một chút an ủi mơ hồ là còn được người đời biết tới.

Ngay tối hôm đó, một số nhạc cụ kể cả cây dương cầm nặng nề được hì hục chở về từ Hà Nội để cho ban nhạc tha hồ tập dượt

mãi tới khuya. Tiếng nhạc vang lên từ một góc núi làm khuây khỏa trong chốc lát những u uẩn của tù nhân. Thành thạo một vài bản "nhạc vàng" được chơi lên, tiếng réo rắt của "Diễm Xưa", "Nắng chiều" gọi lên một nỗi nhớ nhà vô biên, mà lỡ cán bộ có hỏi tới thì anh em đã sẵn câu trả lời: "Nhạc Cuba đây", thế là yên.

Căn phòng chật chội hôi hám trong đó hằng mấy trăm mạng người chen lấn giành giựt từng ly, từng phân trên cái tiêu chuẩn hai bàn tay cho mỗi người, nay được thu dọn thành ba mươi chỗ nằm rộng rãi thơm mát, với chiếu hoa mới toanh, chăn len thơm phức, sắp xếp thẳng tắp như trong một quân trường.

Từ mờ sáng, ngoài thành phần ở lại để trình diễn, còn tất cả phải lũ lượt kéo nhau thành từng đàn qua các đường mòn khúc khuỷu để vào trốn sâu trong núi. Các anh em bệnh nặng thì được cõng, gánh hoặc khấp khểnh lết đi thật xa để khuất khỏi tầm mắt trong sáng của người ngoại quốc cái hình ảnh vẫn đục thê thảm đó.

Bệnh xá này nhường lại cho những con bệnh mới, không có bệnh nhưng có một thể xác chưa tàn tạ nhờ có thăm nuôi, lúng túng học thuộc lòng những căn bệnh thời đại do "tàn dư Mỹ Ngụy để lại": xơ gan vì rượu chè, lên máu vì nhậu nhẹt, nghẽn mạch máu vì xì ke, ma túy... Gọn gàng sạch sẽ trong những bộ đồ ngủ mới toanh, trên mỗi đầu giường có chưng thêm một hộp sữa cũng "kiêng" như bệnh nhân, nghĩa là sẽ được thu hồi ngay sau khi phái đoàn ra về.

Ban thể thao, bóng chuyền, bóng bàn, trong đồng phục gọn ghẽ vui mắt, ra sức tranh thủ để được bồi dưỡng thêm mấy củ khoai. Từ sáng sớm ban nhạc đã inh ỏi trở lên những bản nhạc hùng khởi cộng sản,

gây không khí vui nhộn làm cho quan khách có cảm giác là đi chơi chợ phiên hơn là đi thăm nhà tù.

Không hiểu là một phần thưởng hay là một cực hình tử nhục cho những ai được chọn để ngồi ăn một bữa cơm "xoàng" mà trong suốt cuộc hành trình cải tạo họ chưa bao giờ được nếm. Thực đơn, được dán ở cửa, gồm có cơm trắng (một hiem hơi trên đất Bắc) và thịt lợn, rau muống (một điều lạ trong nhà tù). Bữa cỗ được diễn tiến theo một lịch trình khắt khe: ngồi vào bàn khi phái đoàn rời Hà Nội (8 giờ sáng), cầm đũa khi họ đến cổng trại (10 giờ sáng) để cho bao tử còn cào tiết chất chua, nước mắt nước mũi chảy dài vì ngỡ ngàng trước mấy món ăn thơm phức béo bở, cứ thế mà chịu đựng cái cực hình sinh lý đó suốt mấy tiếng đồng hồ, hai tay thì cứ tuyệt vọng vẫy trong một thứ còng vô hình cho đến khi bóng dáng của phái đoàn cứu tinh xuất hiện ở ngưỡng cửa mới được lệnh cho thức ăn vào miệng (1 hoặc 2 giờ trưa).

Phần trình diễn của bệnh xá được mở màn khi phái đoàn đặt chân vào trại. Bác sĩ trưởng, trong bộ áo bờ lu lưng thụng, chiếc nón vải che khuất chân mày, trịnh trọng đặt ống nghe vào bệnh nhân ngồi trước mặt, rồi cứ giữ tư thế đó như một pho tượng sáp cho tới khi phái đoàn đi qua. Lễ cố nhiên "đại ca" của chúng tôi cũng có mặt tại bệnh xá với một chỉ thị nghiêm khắc: không được nói tiếng ngoại ngữ và cố tránh mặt phái đoàn chừng nào hay chừng đó. Một nhà báo Pháp hỏi đại ca: "Anh biết tiếng Pháp không?". Vì đã

được dặn trước, đại ca phải chờ cho thông dịch viên Bộ Nội Vụ dịch xong để chứng tỏ rằng mình không hiểu được câu hỏi, rồi mới trả lời "Không". Nhà báo hỏi tiếp: "Anh tốt nghiệp ở đâu?". Câu hỏi bất ngờ này không được ban giám thị cho học tập trước, nhưng cũng vẫn chờ được dịch xong như thường lệ, đại ca mới trả lời: "Y khoa Đại học Paris". Nhà báo bàng hoàng, ngạc nhiên như khám phá được một điều gì bí ẩn, một cái gì bất thường, tò mò hỏi tiếp thì được biết vợ anh là người Pháp, hiện sinh sống ở Paris, nên mừng rỡ chụp cho một tấm hình rồi ân cần thêm: "Tuần sau vợ con anh sẽ nhận được", lòng hoan phần khởi vì vừa làm được một nghĩa cử trọng đại.

Chưa kịp mừng thì tai họa đến ngay. Sau khi phái đoàn ra về, thì ông bạn già của chúng ta, nạn nhân của lòng vị tha nhân đạo kiểu Tây phương, bị bác sĩ trưởng bệnh xá và ban giám thị gọi lên mắng nhiếc thậm tệ, bắt kiểm điểm lên kiểm điểm xuống, để rồi, bắt đầu từ hôm sau, hằng ngày phải ra lao động, đập đá, kéo cày, ngâm mình dưới ruộng như hàng ngàn, hàng vạn anh em tù khác. Ngày tôi về, đại ca còn ở lại, tiễn đưa tôi bằng cặp mắt đã hết nước mắt và hẹn tôi ở... kiếp sau!

Dư âm nặng nề của cuộc viếng thăm và *vi tấn tuồng đóng vụng*, làm cho cơn lòi đĩnh của lương y đã trút hết lên đầu chúng tôi, nay không còn khoác áo Từ Mẫu nữa mà lại đội lốt... Ác Mẫu.

**Phương Vũ Võ Tam Anh**